

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BƯU ĐIỆN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đức Long	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2012)
Ông Huỳnh Quang Liêm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trung Hà	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đôn	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Thọ	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Trung Hà	Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Sinh	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
CỔ PHẦN  
VẬT TƯ  
BƯU ĐIỆN  
QUẬN 10 TP. HỒ CHÍ MINH

  
Đặng Trung Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013



# CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ Branch of International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Address: 5<sup>th</sup> Fl., Hai Au TIC Building, 39B Truong Son Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam  
Tel: +84.8 3547 2323 | Fax: +84.8 3547 2579 | Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 118/2012/BCKT-IFCHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:                   Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
                                  Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2013 từ trang 5 đến trang 22. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các khoản nợ phải thu và nợ phải trả liên quan đến hoạt động ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu cũng như các hoạt động kinh doanh khác của Công ty. Đối với những khoản công nợ chưa có xác nhận, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng chưa đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ này cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục này đến báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản Phải thu khách hàng tại: Phòng xuất nhập khẩu, Văn phòng Công ty, Trung tâm kinh doanh 3, Cửa hàng điện thoại di động, Trung tâm kinh doanh 1 (thuyết minh số 6); số dư khoản Trả trước cho người bán (thuyết minh số 7); số dư Các khoản phải thu khác liên quan đến Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thuyết minh số 8); số dư khoản Phải trả người bán (thuyết minh số 15); số dư khoản Người mua trả tiền trước (thuyết minh số 16); số dư Phải trả phải nộp ngắn hạn khác (thuyết minh số 18).

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với những khoản công nợ phải thu xác định là khó có khả năng thu hồi trong tương lai gần. Chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định giá trị khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến những khoản công nợ khó đòi này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ảnh hưởng (nếu có) của khoản mục này đến báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 3.673.712.196 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 liên quan đến hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên và ảnh hưởng (nếu có) của khoản mục này đến báo cáo tài chính.

Công ty chưa theo dõi chi tiết cũng như chưa có biên bản xác nhận tỷ lệ hoàn thành công việc của các hợp đồng ủy thác. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý của việc phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn liên quan đến các hợp đồng ủy thác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của số dư khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí thực hiện các thủ tục ủy thác nhập khẩu và chi phí thu hộ, chi hộ có liên quan đến ủy thác nhập khẩu với số tiền lần lượt là 638.586.917 đồng và 51.188.100 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với các khoản đầu tư dài hạn khác có tổng giá trị là 6.058.000.000 đồng trình được bày tại thuyết minh số 14. Chúng tôi cũng không được cung cấp đầy đủ cơ sở để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 liên quan đến khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên và ảnh hưởng (nếu có) của khoản mục này đến báo cáo tài chính.

Công ty chưa cung cấp được cho chúng tôi các tài liệu liên quan đến số dư Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu ủy thác đã nộp chờ xử lý và Thuế nhập khẩu của hàng nhập khẩu ủy thác đã nộp chờ xử lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 trình bày tại thuyết minh số 8. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính đúng đắn và giá trị của các số dư này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thực hiện việc kiểm kê và xác nhận hiện trạng của tài sản cố định đang cho thuê hoạt động với cam kết không hủy ngang với các bên có liên quan được trình bày tại mục Tài sản cố định khác trên thuyết minh số 13. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định cho thuê hoạt động theo sổ sách kế toán lần lượt là 35.162.369.968 đồng và 0 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu và giá trị của khoản mục này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục tài sản cố định khác nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như ảnh hưởng (nếu có) của khoản mục này đến báo cáo tài chính.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Lương Xuân Trường**  
Phó Giám đốc chi nhánh  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1741/KTV

**Lương Giang Thạch**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 2178/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.221.824.590</b>	<b>341.273.372.840</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>35.859.233.402</b>	<b>28.807.053.957</b>
1. Tiền	111		3.459.233.402	4.307.053.957
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.400.000.000	24.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>3.200.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.316.737.281</b>	<b>300.913.209.466</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	48.040.376.659	285.697.877.207
2. Trả trước cho người bán	132	7	4.989.904.649	3.258.533.218
5. Các khoản phải thu khác	135	8	2.286.505.973	11.956.799.041
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.673.712.196</b>	<b>3.657.174.576</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	3.673.712.196	3.657.174.576
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.372.141.711</b>	<b>4.695.934.841</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	722.318.684	1.052.726.680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.171.948.519	311.741.489
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	11	35.935	324.975.343
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	4.477.838.573	3.006.491.329
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.781.415.071</b>	<b>8.769.746.217</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.504.443.896</b>	<b>1.606.400.763</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.495.563.339	1.592.886.874
- Nguyên giá	222		51.508.377.581	52.193.555.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.012.814.242)	(50.600.668.790)
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.880.557	13.513.889
- Nguyên giá	228		50.373.657	50.373.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.493.100)	(36.859.768)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.158.000.000</b>	<b>7.158.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	7.158.000.000	7.158.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.971.175</b>	<b>5.345.454</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118.971.175	5.345.454
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>112.003.239.661</b>	<b>350.043.119.057</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.343.065.210</b>	<b>306.386.883.407</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.343.065.210</b>	<b>305.298.269.871</b>
2. Phải trả người bán	312	15	41.841.481.070	275.327.075.409
3. Người mua trả tiền trước	313	16	11.329.398.268	5.615.368.883
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	856.343.055	1.394.747.046
5. Phải trả người lao động	315		765.465.004	615.772.815
6. Chi phí phải trả	316		31.500.000	107.309.095
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	13.268.686.737	22.197.185.499
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		250.191.076	40.811.124
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>1.088.613.536</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.088.613.536
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>43.660.174.451</b>	<b>43.656.235.650</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>43.660.174.451</b>	<b>43.656.235.650</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	134.902.792
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.549.628.997	23.099.480.342
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.740.223.829	1.531.703.861
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.370.321.625	890.148.655
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>112.003.239.661</b>	<b>350.043.119.057</b>



**Đặng Trung Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Nguyễn Thị Phương Liễu**  
Kê toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>54.801.933.051</b>	<b>43.670.628.123</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>54.801.933.051</b>	<b>43.670.628.123</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>39.945.460.689</b>	<b>27.988.390.992</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>14.856.472.362</b>	<b>15.682.237.131</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.168.557.819	4.739.346.307
7. Chi phí tài chính	22	23	25.342.328	951.751.893
8. Chi phí bán hàng	24	24	8.417.924.169	9.965.218.834
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	7.311.606.546	8.151.026.698
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.270.157.138</b>	<b>1.353.586.013</b>
11. Thu nhập khác	31	26	3.005.799.322	8.799.567.516
12. Chi phí khác	32	27	3.202.296.841	8.968.436.150
<b>13. Lỗ khác</b>	<b>40</b>		<b>(196.497.519)</b>	<b>(168.868.634)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.073.659.619</b>	<b>1.184.717.379</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	873.998.821	246.835.307
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.199.660.798</b>	<b>937.882.072</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>12.220</b>	<b>5.211</b>



**Đặng Trung Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Nguyễn Thị Phương Liễu**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.073.659.619	1.184.717.379
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	941.915.325	3.032.342.944
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(14.941.834)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.344.845.350)	(4.402.989.203)
Chi phí lãi vay	06	25.342.328	951.663.892
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(318.869.912)	765.735.012
Thay đổi các khoản phải thu	09	243.543.507.079	603.296.810.724
Thay đổi hàng tồn kho	10	(16.537.620)	3.923.450.462
Thay đổi các khoản phải trả	11	(239.723.019.015)	(619.989.122.307)
Thay đổi chi phí trả trước	12	216.782.275	529.037.017
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.342.328)	(951.663.892)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(247.817.022)	(200.236.972)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.471.347.244)	(1.432.293.227)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.957.356.213</b>	<b>(14.058.283.183)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(839.958.458)	(553.263.180)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	325.442.425	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(4.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.784.917.431	4.402.989.203
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.470.401.398</b>	<b>(450.273.977)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.500.000
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.390.520.000)	(2.159.820.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.390.520.000)</b>	<b>(2.158.320.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>7.037.237.611</b>	<b>(16.666.877.160)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.807.053.957</b>	<b>45.418.226.590</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	14.941.834	55.704.527
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>35.859.233.402</b>	<b>28.807.053.957</b>



**Đặng Trung Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Nguyễn Thị Phương Liễu**  
Kê toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 344/QĐ-BBCVT ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông về việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật tư Bưu điện 2.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001997 ngày 23 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số vốn điều lệ là 18.000.000.000 đồng, tương đương với 180.000 cổ phiếu, trong đó, cổ đông Nhà nước chiếm 51% tổng số vốn điều lệ trên.

Trụ sở chính: số 270 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 75 người (Năm 2011: 83 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư bưu chính, viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử và tin học;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, phát thanh truyền hình sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Nhận ủy thác nhập khẩu, xuất khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử và tin học;
- Tư vấn kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, hướng dẫn vận hành thiết bị vật tự do Công ty cung cấp hoặc theo yêu cầu của khách hàng;
- Cho thuê máy móc thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, điện, tin học;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông;
- Cung cấp các dịch vụ internet (ISP), kết nối internet (IXP), ứng dụng internet (OSP);
- Sản xuất lắp ráp vật tư, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị văn phòng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định cho thuê hoạt động: hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm các máy móc, thiết bị viễn thông do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuê trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	35.080.430	16.643.238
Tiền gửi ngân hàng	3.424.152.972	4.290.410.719
Các khoản tương đương tiền	32.400.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>35.859.233.402</u></b>	<b><u>28.807.053.957</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại Phòng xuất nhập khẩu	42.451.721.501	272.170.601.133
Tại Phòng kế hoạch kinh doanh	3.011.987.550	11.651.063.568
Tại Trung tâm kinh doanh dịch vụ	1.323.052.056	313.765.658
Tại Trung tâm dịch vụ kỹ thuật viễn thông	879.022.018	1.211.454.507
Tại Văn phòng Công ty	216.317.835	23.461.743
Tại Trung tâm kinh doanh 3	103.601.036	238.895.836
Tại Cửa hàng điện thoại di động	43.619.000	77.629.099
Tại Trung tâm kinh doanh 1	11.005.663	11.005.663
<b>Cộng</b>	<b><u>48.040.326.659</u></b>	<b><u>285.697.877.207</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại Phòng xuất nhập khẩu	3.480.098.776	2.723.415.612
Tại Văn phòng Công ty	1.509.805.873	535.117.606
<b>Cộng</b>	<b><u>4.989.904.649</u></b>	<b><u>3.258.533.218</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	389.316.161	197.566.667
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	147.137.589	6.912.301.497
Phải thu cổ tức được chia	42.736.000	-
Phải thu BHXH nộp thừa	14.268.998	-
Phải thu khác	68.886.696	597.854.164
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu ủy thác đã nộp chờ xử lý	628.303.321	3.266.692.864
Thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu ủy thác đã nộp chờ xử lý	995.857.208	982.383.849
<b>Cộng</b>	<b><u>2.286.505.973</u></b>	<b><u>11.956.799.041</u></b>

*(Handwritten signature)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.336.920	7.336.920
Thành phẩm	30.911.556	30.911.556
Hàng hóa	3.611.306.322	3.594.768.702
Hàng gửi bán	24.157.398	24.157.398
<b>Cộng</b>	<b>3.673.712.196</b>	<b>3.657.174.576</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.052.726.680	1.398.891.903
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn sang	32.543.667	945.247.724
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	362.951.663	1.291.412.947
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>722.318.684</b>	<b>1.052.726.680</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nhập ủy thác hàng hóa</i>	638.586.917	988.091.104
<i>Chi phí thu hộ, chi hộ nhập ủy thác hàng hóa</i>	51.188.100	64.635.576
<i>Phân loại lại từ tài khoản chi phí trả trước dài hạn</i>	32.543.667	-

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	35.935	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	324.975.343

**12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.986.537.451	2.433.239.607
Tạm ứng	418.450.195	500.400.795
Tài sản thiếu chờ xử lý	72.850.927	72.850.927
<b>Cộng</b>	<b>4.477.838.573</b>	<b>3.006.491.329</b>

*nguyen*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản có định khác (*) VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2012	7.705.883.699	2.112.287.496	3.710.994.888	2.802.437.072	35.861.952.509	52.193.555.664
Mua mới trong năm	243.133.258	65.242.473	41.000.000	490.582.727	-	839.958.458
Thanh lý trong năm	-	(440.780.000)	(384.774.000)	-	(699.582.541)	(1.525.136.541)
Tại ngày 31/12/2012	7.949.016.957	1.736.749.969	3.367.220.888	3.293.019.799	35.162.369.968	51.508.377.581
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2012	6.826.850.310	1.818.554.880	3.313.628.489	2.779.682.602	35.861.952.509	50.600.668.790
Khấu hao trong năm	256.230.520	70.192.834	138.874.048	471.984.591	-	937.281.993
Thanh lý trong năm	-	(440.780.000)	(384.774.000)	-	(699.582.541)	(1.525.136.541)
Tại ngày 31/12/2012	7.083.080.830	1.447.967.714	3.067.728.537	3.251.667.193	35.162.369.968	50.012.814.242
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2012	879.033.389	293.732.616	397.366.399	22.754.470	-	1.592.886.874
Tại ngày 31/12/2012	865.936.127	288.782.255	299.492.351	41.352.606	-	1.495.563.339

(\*): Tài sản cố định khác gồm các thiết bị viễn thông cho thuê hoạt động.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc: 4.090.531.167 đồng; Máy móc thiết bị: 1.772.386.996 đồng; Phương tiện vận tải: 1.919.259.000 đồng; Thiết bị quản lý: 2.600.733.618 đồng; Tài sản cố định khác: 35.861.952.509 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hư hỏng, chờ thanh lý (toàn bộ tài sản hư hỏng đã khấu hao hết) bao gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc: 867.466.621 đồng; Máy móc thiết bị: 603.445.786 đồng; Thiết bị quản lý: 1.906.964.643 đồng; Tài sản cố định khác: 17.820.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ĐT Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	1.078.000.000	1.078.000.000
Công ty CP Cấp Việt Nhật	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Bưu điện	980.000.000	980.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Cấp Việt Đức	500.000.000	500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	1.100.000.000	1.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.158.000.000</u></b>	<b><u>7.158.000.000</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại Phòng xuất nhập khẩu	38.793.833.701	267.538.975.910
Tại Văn phòng Công ty	3.047.647.369	7.788.099.499
<b>Cộng</b>	<b><u>41.841.481.070</u></b>	<b><u>275.327.075.409</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại Phòng xuất nhập khẩu	11.183.542.723	5.592.853.338
Tại Văn phòng Công ty	145.855.545	19.855.545
Tại Trung tâm kinh doanh dịch vụ	-	2.660.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.329.398.268</u></b>	<b><u>5.615.368.883</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	141.263.306	112.502.896
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	398.830.994	311.741.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.555.910	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.692.845	42.266.961
Thuế nhà đất	-	928.235.700
<b>Cộng</b>	<b><u>856.343.055</u></b>	<b><u>1.394.747.046</u></b>

*Nguyễn*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	7.077.648.623	17.659.259.815
Tiền đặt cọc thuê kiot	1.411.471.000	1.358.971.000
Phải trả vốn Nhà nước	1.002.506.134	1.002.506.134
Công ty Huawei	657.490.398	593.906.496
Công ty Nokia Telecom	513.991.134	508.002.141
Nguồn chi phí chăm sóc khách hàng, nhận hồ sơ thầu...	371.581.778	375.041.810
Tạm treo chênh lệch tỷ giá hoạt động xuất nhập khẩu		
ủy thác chờ xử lý	168.612.951	168.612.951
Khoản lãi trả chậm	134.536.851	134.536.851
Phải trả cổ tức cho cổ đông	135.900.000	-
Nhận ký quỹ đấu thầu của Công ty TNHH TM DV L&V	50.000.000	-
Các khoản phải trả khác	944.375.842	396.348.301
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích từ lợi nhuận sau thuế	800.572.026	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>13.268.686.737</u></u></b>	<b><u><u>22.197.185.499</u></u></b>

*Handwritten signature*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	17.998.500.000	185.458.797	23.099.480.342	1.449.243.963	2.565.138.851	45.297.821.953
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	937.882.072	937.882.072
Vốn góp trong năm	1.500.000	-	-	-	-	1.500.000
Chi lương cho Ban Kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(113.283.094)	(113.283.094)
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.459.898	(82.459.898)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(123.689.847)	(123.689.847)
Trích lập quỹ chăm sóc khách hàng	-	-	-	-	(82.459.898)	(82.459.898)
Giảm quỹ đã trích năm 2010	-	-	-	-	15.385.000	15.885.000
Trích bổ sung quỹ chăm sóc khách hàng năm 2010	-	-	-	-	(67.044.530)	(67.044.530)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.159.820.000)	(2.159.820.000)
Giảm khác	-	(50.556.005)	-	-	(1)	(50.556.006)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>134.902.792</b>	<b>23.099.480.342</b>	<b>1.531.703.861</b>	<b>890.148.655</b>	<b>43.656.235.650</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.199.660.798	2.199.660.798
Kết chuyển Quỹ Đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(549.851.345)	-	549.851.345	-
Chi lương cho Ban Kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(99.519.285)	(99.519.285)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	208.519.968	(208.519.968)	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(104.259.984)	(104.259.984)
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(208.519.968)	(208.519.968)
Trích lập quỹ chăm sóc khách hàng	-	-	-	-	(208.519.968)	(208.519.968)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(1.440.000.000)	(1.440.000.000)
Giảm khác	-	(134.902.792)	-	-	-	(134.902.792)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>22.549.628.997</b>	<b>1.740.223.829</b>	<b>1.370.321.625</b>	<b>43.660.174.451</b>

Công ty tạm phân phối và sử dụng lợi nhuận theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012. Công ty sẽ điều chỉnh lại việc phân phối lợi nhuận sau khi được Hội đồng cổ đông thông qua trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng		Vốn thực tế đã góp			
	nhận đăng ký kinh doanh		31/12/2012		01/01/2012	
	VND	%	VND	%	VND	%
Cổ đông Nhà nước	9.180.000.000	51%	9.180.000.000	51%	9.180.000.000	51%
Các cổ đông khác	8.820.000.000	49%	8.820.000.000	49%	8.820.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phần**

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép ban hành	180.000	180.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	180.000	180.000
<i>Cổ phần thường</i>	180.000	180.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	180.000	180.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	180.000	180.000

Mệnh giá cổ phiếu: 100.000 đồng/cổ phần.

**20. DOANH THU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	39.659.887.882	24.834.902.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.142.045.169	18.835.726.063
<b>Cộng</b>	<b>54.801.933.051</b>	<b>43.670.628.123</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	39.506.220.163	22.999.364.926
Giá vốn dịch vụ cung cấp	439.240.526	4.989.026.066
<b>Cộng</b>	<b>39.945.460.689</b>	<b>27.988.390.992</b>

*Tên*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	3.862.152.692	3.957.989.203
Cổ tức, lợi nhuận được chia	222.736.000	445.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.469.288	336.357.104
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.941.834	-
Doanh thu tài chính khác	39.258.005	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.168.557.819</u></b>	<b><u>4.739.346.307</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Lãi chậm thanh toán vốn nhà nước và lãi chậm thanh toán cổ tức phát sinh trong năm	25.342.328	951.663.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	88.001
<b>Cộng</b>	<b><u>25.342.328</u></b>	<b><u>951.751.893</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	3.254.406.976	3.750.103.840
Chi phí vật liệu bao bì	54.093.687	95.747.782
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.493.637	81.315.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	361.209.326	581.700.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.998.727	1.694.157.171
Tiền thuế đất	3.379.893.297	-
Chi phí bằng tiền khác	390.828.519	3.762.194.720
<b>Cộng</b>	<b><u>8.417.924.169</u></b>	<b><u>9.965.218.834</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.531.179.600	4.266.669.249
Chi phí vật liệu quản lý	177.297.666	133.097.801
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.585.851	127.426.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.925.999	123.981.157
Tiền thuế đất	1.409.699.925	2.150.436.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.844.370	313.699.782
Chi phí bằng tiền khác	665.073.135	1.035.715.186
<b>Cộng</b>	<b><u>7.311.606.546</u></b>	<b><u>8.151.026.698</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Các khoản phạt hợp đồng kinh tế, khoản nợ Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	2.624.123.444	8.676.967.910
Thu nhập khác	327.806.059	2.709.091
<b>Cộng</b>	<b>3.005.799.322</b>	<b>8.799.567.516</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Các khoản phạt hợp đồng kinh tế, khoản nợ Chi phí thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ	2.811.571.576	8.676.217.413
Chi phí khác	7.098.636	-
<b>Cộng</b>	<b>3.202.296.841</b>	<b>8.968.436.150</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.073.659.619</b>	<b>1.184.717.379</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	237.677.834	445.000.000
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	660.013.497	247.623.849
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>3.495.995.282</b>	<b>987.341.228</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	873.998.821	246.835.307
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>873.998.821</b>	<b>246.835.307</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	2.199.660.798	937.882.072
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	180.000	179.987
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.220</b>	<b>5.211</b>

*7/1/12*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với bên liên quan là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ tức phải trả phát sinh trong năm	734.400.000	1.101.600.000
Lãi chậm thanh toán vốn nhà nước và lãi chậm thanh toán cổ tức phát sinh trong năm	25.342.328	951.663.892
Cổ tức đã trả trong năm	734.400.000	1.101.600.000
Lãi chậm thanh toán vốn nhà nước và lãi chậm thanh toán cổ tức đã trả trong năm	<u>25.342.328</u>	<u>951.663.892</u>

Số dư với bên liên quan là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phí ủy thác phải thu	1.415.142.452	802.242
Giá trị hàng hóa ủy thác phải trả	-	7.196.457.914
Phải trả vốn Nhà nước	<u>1.002.506.134</u>	<u>1.002.506.134</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thưởng của Ban Giám đốc	386.854.019	327.071.424
Lương và thưởng của Ban Kiểm soát	<u>99.519.285</u>	<u>62.348.522</u>

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Đặng Trung Hà**

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Nguyễn Thị Phương Liễu**

Kê toán trưởng